

Họ tên học sinh:.....Lớp: .....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 2} \frac{x^2 - 3x + 2}{x - 2}$  bằng

- A. -1. B. 0. C. 2. D. 1.

**Câu 2:** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{\sin x}{1 - \cos x}$  là

- A.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$ . B.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}$ .  
C.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}$ . D.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$ .

**Câu 3:** Trong các công thức sau, công thức nào **SAI**?

- A.  $\sin 2x = 2 \sin x \cos x$ . B.  $\sin 2x = \cos^2 x - \sin^2 x$ .  
C.  $\cos 2x = 1 - 2 \sin^2 x$ . D.  $\cos 2x = 2 \cos^2 x - 1$ .

**Câu 4:** Trong các dãy số sau, dãy số nào là cấp số nhân?

- A. -1; -5; -25; 125. B. 1; 3; 12; 60. C. -1; 4; 16; 64. D. 1; 2; 4; 8.

**Câu 5:** Nếu các dãy số  $(u_n), (v_n)$  thỏa mãn  $\lim u_n = 6$  và  $\lim v_n = 3$  thì  $\lim(u_n - v_n)$  bằng

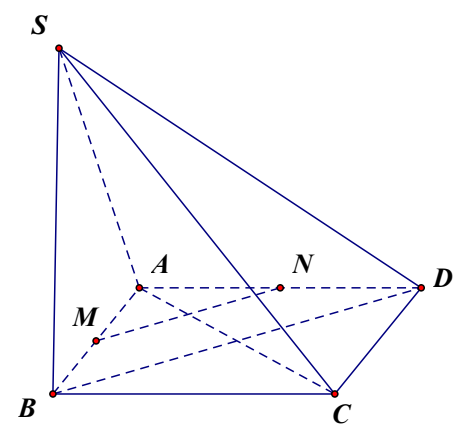
- A. 2. B. 9. C. 3. D. 18.

**Câu 6:** Giá trị biểu thức  $A = 4 \cos 2x + \sqrt{2} \sin 3x$ , với  $x = \frac{\pi}{4}$  là

- A. 0. B. 3. C.  $\frac{3\sqrt{2}}{2}$ . D. 1.

**Câu 7:** Cho hình chóp  $S.ABCD$ . Gọi  $M$  và  $N$  lần lượt là trung điểm của  $AB$  và  $AD$ . Khẳng định nào sau đây **đúng**?

- A.  $MN \parallel (ABCD)$ . B.  $MN \parallel (SCD)$ .  
C.  $MN \parallel (SBD)$ . D.  $MN \parallel (SAC)$ .



**Câu 8:** Đo chiều dài của 60 lá dương xỉ trưởng thành, ta thu được kết quả sau:

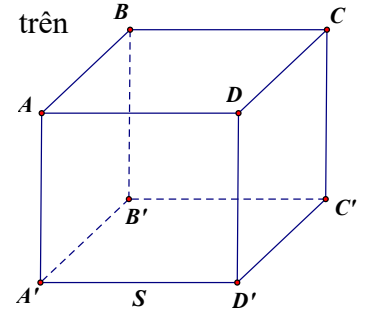
| Chiều dài (cm) | [10; 20) | [20; 30) | [30; 40) | [40; 50] |
|----------------|----------|----------|----------|----------|
| Số lá          | 8        | 18       | 24       | 10       |

Tứ phân vị thứ nhất  $Q_1$  của mẫu số liệu ghép nhóm thuộc khoảng nào sau đây?

- A. [20; 30). B. [10; 20). C. [40; 50]. D. [30; 40).

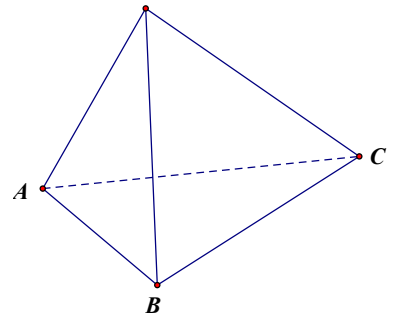
**Câu 9:** Cho hình lập phương  $ABCD.A'B'C'D'$ .  $B$  là hình chiếu của  $A$  trên  $(CBB'C')$  qua phép chiếu song song theo phương là đường thẳng nào?

- A.  $BC$ . B.  $CC'$ .  
C.  $C'A'$ . D.  $DC$ .



**Câu 10:** Cho hình chóp  $S.ABC$ . Trong các cặp đường thẳng sau, cặp đường thẳng nào cắt nhau?

- A.  $SA$  và  $BC$ . B.  $AB$  và  $SC$ .  
C.  $SB$  và  $AC$ . D.  $AC$  và  $BC$ .



**Câu 11:** Đo cân nặng của lớp 10A gồm 40 học sinh, ta thu được kết quả sau:

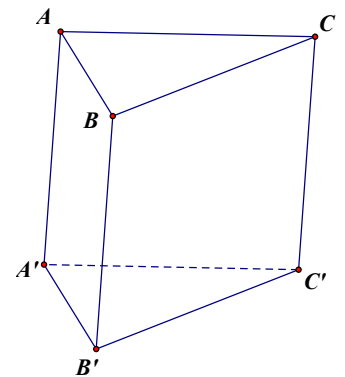
| Khối lượng (kg) | [40; 45) | [45; 50) | [50; 55) | [55; 60) | [60; 65) | [65; 70) | [70; 75) | [75; 80] |
|-----------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Số học sinh     | 4        | 13       | 7        | 5        | 6        | 2        | 1        | 2        |

Trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm thuộc khoảng nào sau đây?

- A. [50; 55). B. [40; 45). C. [45; 50). D. [55; 60).

**Câu 12:** Số cạnh của hình lăng trụ tam giác là

- A. 5. B. 12.  
C. 6. D. 9.



**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Cho dãy số  $(u_n)$  có số hạng tổng quát  $u_n = 3n + 1$ .

- a) Tổng 8 số hạng đầu của cấp số cộng  $(u_n)$  bằng 116.  
b) Dãy số  $(u_n)$  là dãy số giảm.  
c) Số hạng thứ tư của dãy số là  $u_4 = 13$ .  
d) Dãy số đã cho là một cấp số cộng có công sai là  $d = 2$ .

**Câu 2:** Cho hàm số  $f(x) = \begin{cases} x-2 & \text{khi } x \leq 2 \\ \frac{mx-2}{x^2-3x+2} & \text{khi } x > 2 \end{cases}$ . Khi đó:

- a) Hàm số đã cho liên tục tại điểm  $x = 2$  với  $m \neq 1$ .
- b)  $f(2) = 2$ .
- c) Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 2^-} f(x) = 0$ .
- d) Với  $m = 1$  thì hàm số đã cho không liên tục tại  $x = 2$ .

**Câu 3:** Đo thời gian chạy cự li 1000m (đơn vị: giây) của các bạn học sinh trong lớp 11A thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

| Thời gian | [125;127) | [127;129) | [129;131) | [131;133) | [133;135] |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Số bạn    | 3         | 8         | 14        | 10        | 5         |

- a) Giá trị của  $Q_2 - Q_1 = \frac{m}{n}$  với  $\frac{m}{n}$  là phân số tối giản, khi đó  $m + n = 71$ .
- b) Nhóm chứa một của mẫu số liệu là [129;131).
- c) Số trung bình của mẫu số liệu trên là  $\frac{911}{7}$ .
- d) Nhóm chứa tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu là [127;129).

**Câu 4:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy là hình bình hành. Gọi  $O$  là giao điểm của  $AC$  và  $BD$ .  $M, N, P$  lần lượt là trung điểm của  $SB, SD, SC$ . Khi đó:

- a) Tỉ số đồng dạng của tam giác  $OMP$  và tam giác  $SDA$  là  $\frac{1}{3}$ .
- b) Đường thẳng  $MN$  song song với đường thẳng  $BC$ .
- c) Đường thẳng  $OP$  song song với mặt phẳng  $(SAD)$ .
- d) Mặt phẳng  $(MOP)$  song song với mặt phẳng  $(SAD)$ .

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1:** Vận tốc của một con lắc đơn  $v(cm/s)$  được cho bởi công thức:  $v(t) = 2 \sin\left(2t + \frac{\pi}{6}\right)$ . Lần đầu tiên vận tốc của con lắc đơn bằng  $2cm/s$  là tại thời điểm  $t = \frac{\pi}{a}(s)$ . Hãy tìm  $a$ .

**Câu 2:** Một du khách vào trường đua ngựa xem đua ngựa và đặt cược chọn con thắng cuộc. Nếu chọn đúng con thắng cuộc thì sẽ nhận được số tiền gấp đôi số tiền đặt cược, còn nếu chọn sai thì sẽ mất số tiền đặt cược. Người du khách đó lần đầu tiên đặt 100 USD, mỗi lần sau tiền đặt gấp đôi tiền đặt lần trước. Người đó thua 9 lần liên tiếp và thắng ở lần thứ 10. Sau 10 lần chơi, du khách đó đã lời được  $a$  USD. Hãy tìm  $a$ .

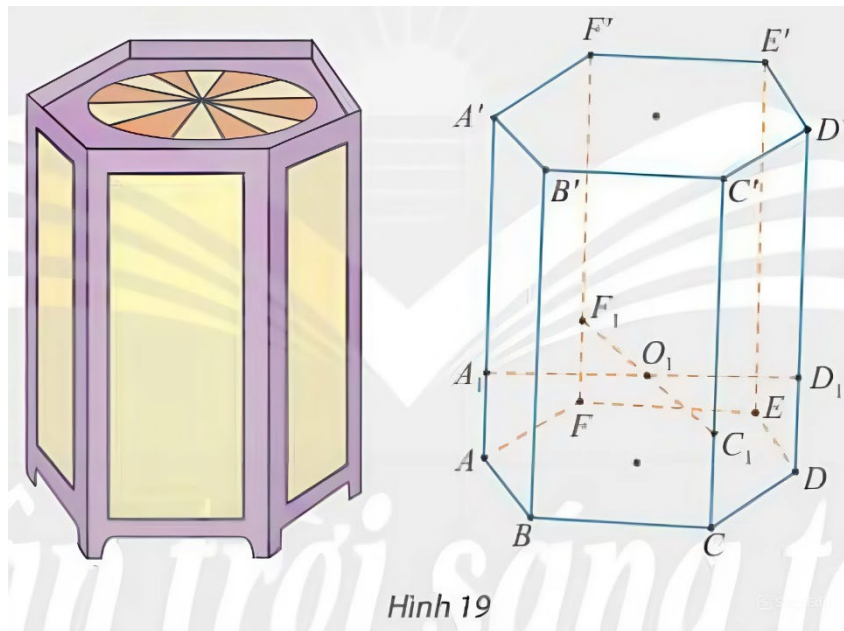
**Câu 3:** Số khách hàng nam mua bảo hiểm ở từng độ tuổi được thống kê như sau:

| Độ tuổi           | [20;30) | [30;40) | [40;50) | [50;60) | [60;70) |
|-------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Số khách hàng nam | 4       | 6       | 10      | 7       | 3       |

Hãy sử dụng dữ liệu ở trên để tư vấn cho đại lí bảo hiểm xác định khách hàng nam ở tuổi nào hay mua bảo hiểm nhất. (kết quả làm tròn đến số nguyên)

**Câu 4:** Một bệnh nhân hàng ngày phải uống một viên thuốc 8 mg. Sau ngày đầu, trước mỗi lần uống, hàm lượng thuốc cũ trong cơ thể vẫn còn 5%. Ước tính lượng thuốc có trong cơ thể nếu bệnh nhân sử dụng thuốc trong một thời gian dài. (Kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

**Câu 5:** Để làm một khung lồng đèn kéo quân hình lăng trụ lục giác  $ABCDEF.A'B'C'D'E'F'$ . Linh gắn hai thanh tre  $A_1D_1$ ,  $F_1C_1$  song song với mặt phẳng đáy và cắt nhau tại  $O_1$  (hình vẽ). Cho biết  $A'A_1 = 7AA_1$  và  $AA' = 70\text{cm}$ . Tính  $C'C_1$ . (kết quả làm tròn đến hàng phần chục)



Hình 19

**Câu 6:** Cho tứ diện  $ABCD$ ,  $M$  là trọng tâm của tam giác  $ABC$ ,  $E$  là trung điểm của đoạn thẳng  $AB$ . Gọi  $N$  là hình chiếu song song của điểm  $M$  theo phương  $CD$  lên mặt phẳng  $(ABD)$ . Khi đó tỉ số  $\frac{EN}{ED}$  bằng bao nhiêu? (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

----- HẾT -----

Họ tên học sinh:.....Lớp: .....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Trong các công thức sau, công thức nào **SAI**?

**A.**  $\cos 2x = 2 \sin^2 x - 1.$

**B.**  $\sin 2x = 2 \sin x \cos x.$

**C.**  $\cos 2x = 2 \cos^2 x - 1.$

**D.**  $\cos 2x = \cos^2 x - \sin^2 x.$

**Câu 2:** Đo cân nặng của lớp 10A gồm 40 học sinh, ta thu được kết quả sau:

|                 |         |         |         |         |         |         |         |         |
|-----------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Khối lượng (kg) | [40;45) | [45;50) | [50;55) | [55;60) | [60;65) | [65;70) | [70;75) | [75;80] |
| Số học sinh     | 4       | 13      | 7       | 5       | 6       | 2       | 1       | 2       |

Tứ phân vị thứ nhất  $Q_1$  của mẫu số liệu ghép nhóm thuộc khoảng nào sau đây?

**A.** [40;45).

**B.** [45;50).

**C.** [55;60).

**D.** [50;55).

**Câu 3:** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{\cos x}{1 - \sin x}$  là

**A.**  $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}.$

**B.**  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}.$

**C.**  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}.$

**D.**  $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}.$

**Câu 4:** Đo chiều dài của 60 lá dương xỉ trưởng thành, ta thu được kết quả sau:

|                |         |         |         |         |
|----------------|---------|---------|---------|---------|
| Chiều dài (cm) | [10;20) | [20;30) | [30;40) | [40;50] |
| Số lá          | 8       | 18      | 24      | 10      |

Trung vị của mẫu số liệu ghép nhóm thuộc khoảng nào sau đây?

**A.** [10;20).

**B.** [20;30).

**C.** [40;50].

**D.** [30;40).

**Câu 5:** Giá trị biểu thức  $A = 4 \cos 2x + \sin 3x$ , với  $x = \frac{\pi}{6}$  là

**A.**  $\frac{3\sqrt{2}}{2}.$

**B.** 3.

**C.** 0.

**D.** 1.

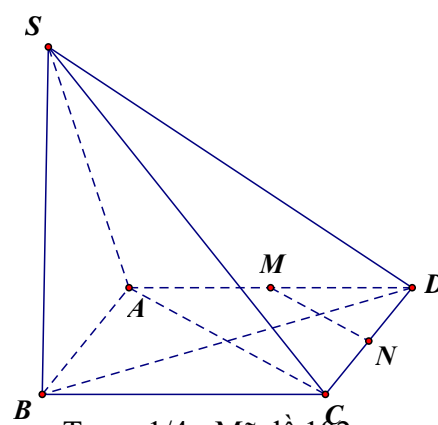
**Câu 6:** Cho hình chóp  $S.ABCD$ . Gọi  $M$  và  $N$  lần lượt là trung điểm của  $AD$  và  $CD$ . Khẳng định nào sau đây **đúng**?

**A.**  $MN \parallel (SBD).$

**B.**  $MN \parallel (SCD).$

**C.**  $MN \parallel (ABCD).$

**D.**  $MN \parallel (SAC).$



**Câu 7:** Nếu các dãy số  $(u_n), (v_n)$  thỏa mãn  $\lim u_n = 6$  và  $\lim v_n = 3$  thì  $\lim(u_n \cdot v_n)$  bằng

- A. 2.                      B. 3.                      C. 18.                      D. 9.

**Câu 8:** Trong các dãy số sau, dãy số nào là cấp số nhân?

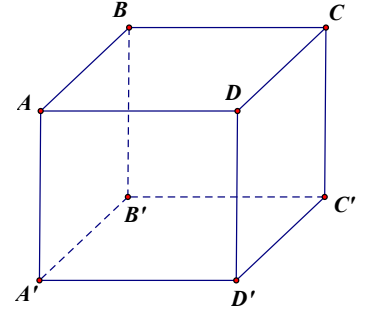
- A.  $-1; -5; -25; 125$ .                      B.  $-1; 4; 16; 64$ .                      C.  $1; 2; 4; 6$ .                      D.  $1; 3; 9; 27$ .

**Câu 9:** Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 1} \frac{x^2 - 3x + 2}{x - 1}$  bằng

- A. 2.                      B. 1.                      C.  $-1$ .                      D. 0.

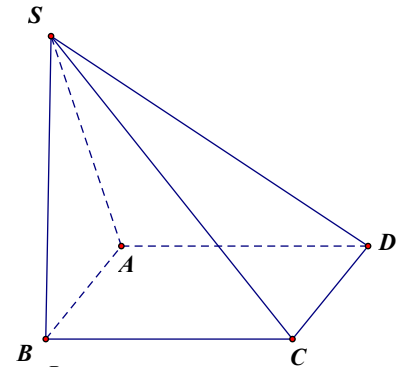
**Câu 10:** Cho hình lập phương  $ABCD.A'B'C'D'$ .  $D$  là hình chiếu của  $A$  trên  $(DCC'D')$  qua phép chiếu song song theo phương là đường thẳng nào?

- A.  $BC$ .                      B.  $C'A'$ .  
C.  $CC'$ .                      D.  $DC$ .



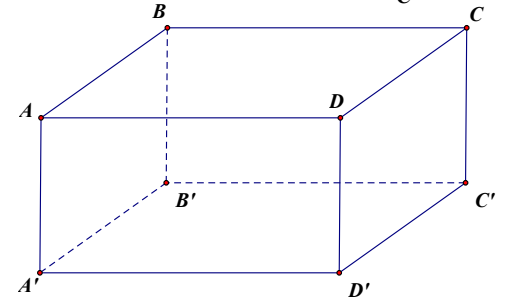
**Câu 11:** Cho hình chóp  $S.ABCD$ , với đáy  $ABCD$  là hình chữ nhật. Trong các cặp đường thẳng sau, cặp đường thẳng nào cắt nhau?

- A.  $AB$  và  $SC$ .                      B.  $SB$  và  $AC$ .  
C.  $AC$  và  $BD$ .                      D.  $SA$  và  $BC$ .



**Câu 12:** Số cạnh của hình hộp chữ nhật là

- A. 12.                      B. 6.  
C. 9.                      D. 5.



**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Cho dãy số  $(u_n)$  có số hạng tổng quát  $u_n = 3n + 1$ .

- a) Dãy số  $(u_n)$  là dãy số tăng.  
b) Số hạng thứ ba của dãy số là  $u_3 = 12$ .  
c) Dãy số đã cho là một cấp số cộng có công sai là  $d = 3$ .  
d) Tổng 8 số hạng đầu của cấp số cộng  $(u_n)$  bằng 216.

**Câu 2:** Cho hàm số  $f(x) = \begin{cases} x-3 & \text{khi } x \leq 3 \\ \frac{mx-3}{x^2-4x+3} & \text{khi } x > 3 \end{cases}$ . Khi đó:

- a)  $f(3) = 0$ .
- b) Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 3^-} f(x) = 3$ .
- c) Với  $m = 1$  thì hàm số đã cho không liên tục tại  $x = 3$ .
- d) Hàm số đã cho liên tục tại điểm  $x = 3$  với  $m \neq 1$ .

**Câu 3:** Đo thời gian chạy cự li 1000m (đơn vị: giây) của các bạn học sinh trong lớp 11A thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

| Thời gian | [125;127) | [127;129) | [129;131) | [131;133) | [133;135] |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Số bạn    | 3         | 8         | 14        | 10        | 5         |

- a) Nhóm chứa một của mẫu số liệu là [131;133).
- b) Số trung bình của mẫu số liệu trên là 130,3.
- c) Nhóm chứa tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu là [133;135].
- d) Giá trị của  $Q_3 - Q_2 = \frac{m}{n}$  với  $\frac{m}{n}$  là phân số tối giản khi đó  $m + n = 21$ .

**Câu 4:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy là hình bình hành. Gọi  $O$  là giao điểm của  $AC$  và  $BD$ .  $M, N, P$  lần lượt là trung điểm của  $SB, SD, SC$ . Khi đó:

- a) Đường thẳng  $MP$  song song với đường thẳng  $AD$ .
- b) Đường thẳng  $ON$  song song với mặt phẳng  $(SAB)$ .
- c) Mặt phẳng  $(OPN)$  song song với mặt phẳng  $(SAB)$ .
- d) Tỉ số đồng dạng của tam giác  $SAB$  và tam giác  $OPN$  là 3.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1:** Một bệnh nhân hàng ngày phải uống một viên thuốc 9 mg. Sau ngày đầu, trước mỗi lần uống, hàm lượng thuốc cũ trong cơ thể vẫn còn 5%. Ước tính lượng thuốc có trong cơ thể nếu bệnh nhân sử dụng thuốc trong một thời gian dài. (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

**Câu 2:** Vận tốc của một con lắc đơn  $v(cm/s)$  được cho bởi công thức:  $v(t) = 3 \cos\left(2t - \frac{\pi}{4}\right)$ . Lần đầu tiên vận tốc của con lắc đơn bằng  $3cm/s$  là tại thời điểm  $t = \frac{\pi}{a}(s)$ . Hãy tìm  $a$ .

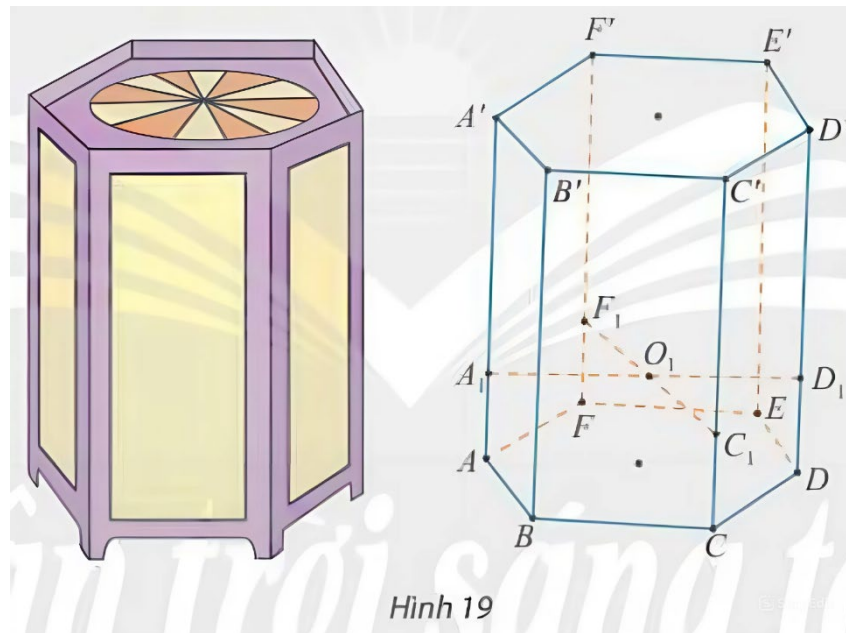
**Câu 3:** Một du khách vào trường đua ngựa xem đua ngựa và đặt cược chọn con thắng cuộc. Nếu chọn đúng con thắng cuộc thì sẽ nhận được số tiền gấp đôi số tiền đặt cược, còn nếu chọn sai thì sẽ mất số tiền đặt cược. Người du khách đó lần đầu tiên đặt 150 USD, mỗi lần sau tiền đặt gấp đôi tiền đặt lần trước. Người đó thua 8 lần liên tiếp và thắng ở lần thứ 9. Sau 9 lần chơi, du khách đó đã lời được  $a$  USD. Hãy tìm  $a$ .

**Câu 4:** Thầy giáo thống kê lại số lần kéo xà đơn của các học sinh nam khối 11 ở bảng sau:

| Số lần      | [5,5;10,5) | [10,5;15,5) | [15,5;20,5) | [20,5;25,5) | [25,5;30,5] |
|-------------|------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Số học sinh | 35         | 54          | 32          | 17          | 5           |

Thầy giáo dự định chọn 25% học sinh có số lần kéo thấp nhất để bồi dưỡng thể lực thêm. Thầy giáo nên chọn học sinh có thành tích kéo xà đơn dưới bao nhiêu lần để bồi dưỡng thể lực? (kết quả làm tròn đến số nguyên)

**Câu 5:** Để làm một khung lồng đèn kéo quân hình lăng trụ lục giác  $ABCDEF.A'B'C'D'E'F'$ . Linh gắn hai thanh tre  $A_1D_1$ ,  $F_1C_1$  song song với mặt phẳng đáy và cắt nhau tại  $O_1$  (hình vẽ). Cho biết  $A'A_1 = 7AA_1$  và  $AA' = 70cm$ . Tính  $CC_1$ . (kết quả làm tròn đến hàng phần chục)



Hình 19

**Câu 6:** Cho tứ diện  $ABCD$ ,  $M$  là trọng tâm của tam giác  $ABC$ ,  $E$  là trung điểm của đoạn thẳng  $AB$ . Gọi  $N$  là hình chiếu song song của điểm  $M$  theo phương  $CD$  lên mặt phẳng  $(ABD)$ . Khi đó tỉ số  $\frac{DN}{ED}$  bằng bao nhiêu? (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

----- **HẾT** -----

## TỔ TOÁN

## MÔN TOÁN – KHỐI 11

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12.

Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| 101 | D | B | B | D | C | D | C | A | D | D  | A  | D  |
| 102 | A | B | C | D | B | D | C | D | C | A  | C  | A  |
| 103 | C | C | A | B | B | D | D | B | D | A  | B  | A  |
| 104 | C | B | C | D | A | C | D | D | C | B  | A  | D  |

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

| Câu | 1       | 2       | 3       | 4       |
|-----|---------|---------|---------|---------|
| 101 | a) Đúng | a) Sai  | a) Đúng | a) Sai  |
|     | b) Sai  | b) Sai  | b) Đúng | b) Sai  |
|     | c) Đúng | c) Đúng | c) Sai  | c) Đúng |
|     | d) Sai  | d) Đúng | d) Đúng | d) Đúng |

| Câu | 1       | 2       | 3       | 4       |
|-----|---------|---------|---------|---------|
| 102 | a) Đúng | a) Đúng | a) Sai  | a) Đúng |
|     | b) Sai  | b) Sai  | b) Đúng | b) Đúng |
|     | c) Đúng | c) Đúng | c) Sai  | c) Đúng |
|     | d) Sai  | d) Sai  | d) Sai  | d) Sai  |

| Câu        | 1       | 2       | 3       | 4       |
|------------|---------|---------|---------|---------|
| <b>103</b> | a) Đúng | a) Sai  | a) Đúng | a) Sai  |
|            | b) Sai  | b) Đúng | b) Sai  | b) Sai  |
|            | c) Đúng | c) Đúng | c) Đúng | c) Đúng |
|            | d) Sai  | d) Đúng | d) Sai  | d) Đúng |

| Câu        | 1       | 2       | 3       | 4       |
|------------|---------|---------|---------|---------|
| <b>104</b> | a) Sai  | a) Sai  | a) Sai  | a) Sai  |
|            | b) Đúng | b) Sai  | b) Đúng | b) Sai  |
|            | c) Đúng | c) Đúng | c) Sai  | c) Đúng |
|            | d) Đúng | d) Đúng | d) Sai  | d) Đúng |

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

| Câu        | 1 | 2   | 3  | 4    | 5    | 6    |
|------------|---|-----|----|------|------|------|
| <b>101</b> | 6 | 100 | 46 | 8,42 | 61,3 | 0,33 |

| Câu        | 1    | 2 | 3   | 4  | 5   | 6    |
|------------|------|---|-----|----|-----|------|
| <b>102</b> | 9,47 | 8 | 150 | 11 | 8,8 | 0,67 |

| Câu        | 1  | 2    | 3 | 4    | 5    | 6   |
|------------|----|------|---|------|------|-----|
| <b>103</b> | 46 | 8,42 | 6 | 0,33 | 61,3 | 100 |

| Câu        | 1    | 2   | 3 | 4  | 5    | 6   |
|------------|------|-----|---|----|------|-----|
| <b>104</b> | 0,67 | 8,8 | 8 | 11 | 9,47 | 150 |

Xem thêm: ĐỀ THI HK1 TOÁN 11  
<https://toanmath.com/de-thi-hk1-toan-11>